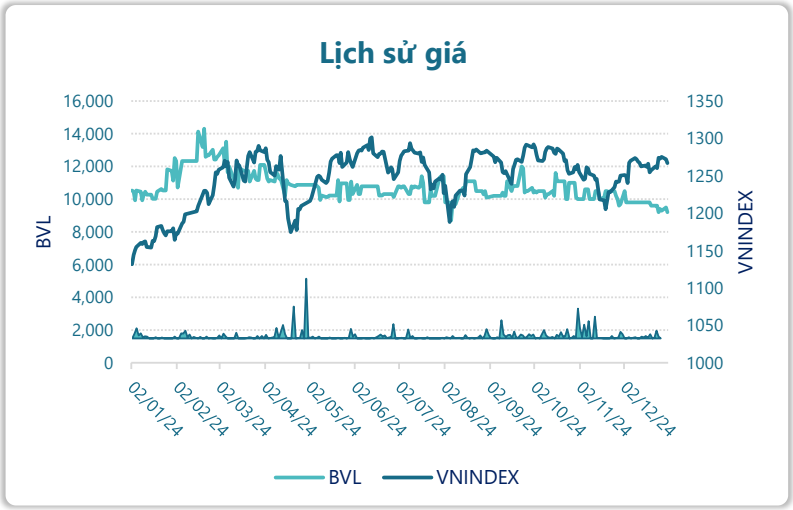
FireAnt

CTCP BV Land (UPCOM: BVL)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,308
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,700
SL cổ phiếu LH	82,788,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,265
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	762
P/E	112.5
EPS	82

DT thuần

Q4/24

206

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0| 15.6%

YoY: ▼165| -44.5%

LN sau thuế

Q4/24

-5.87

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.2| -170%

YoY: ▼23.5| -133%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.8%

+/- YoY: ▼ 5.9%

DT thuần

2024

805

tỷ VNĐ

YoY: ▼230| -22.2%

LN sau thuế

2024

14.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼41.1| -73.9%

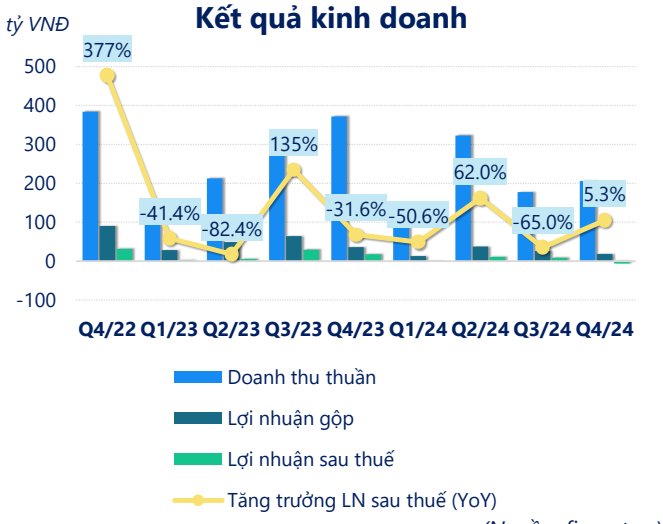
ROE

2024

0.6%

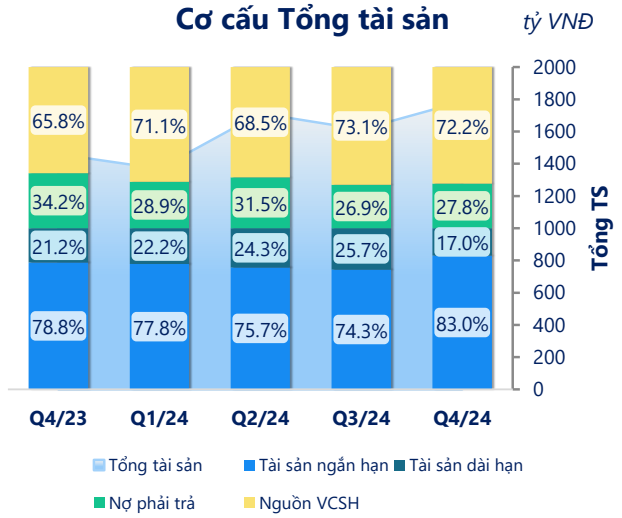
+/- YoY: ▼ 3.4%

Kết quả kinh doanh



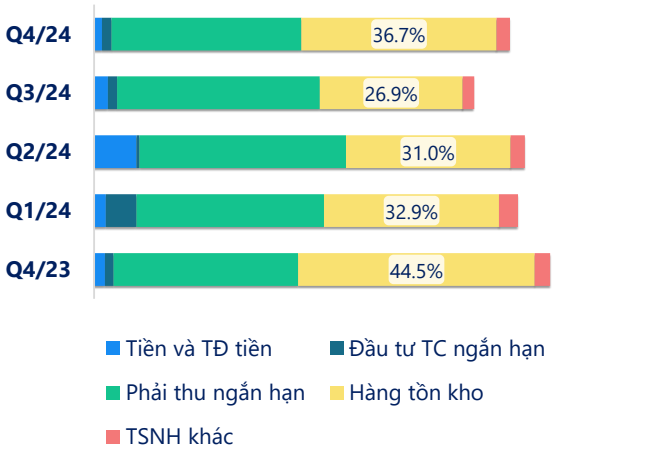
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



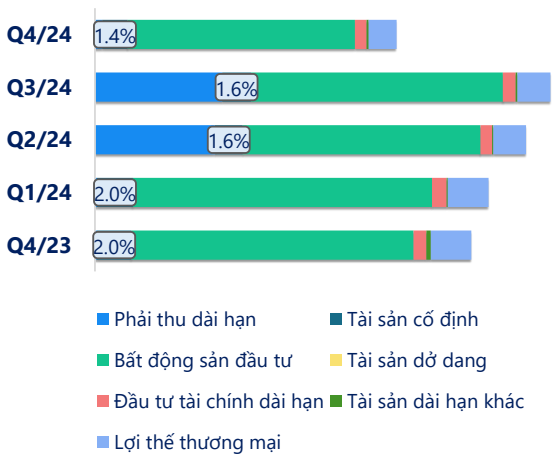
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



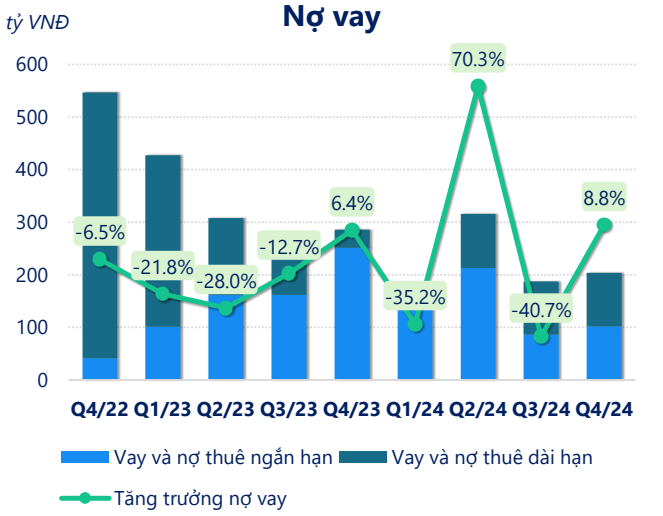
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



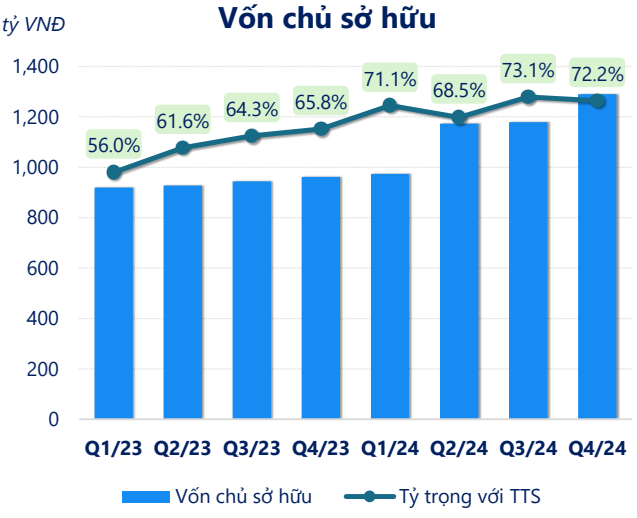
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



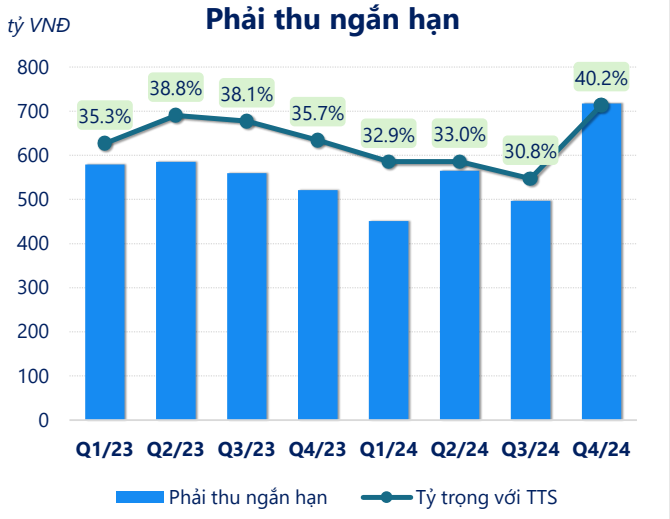
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



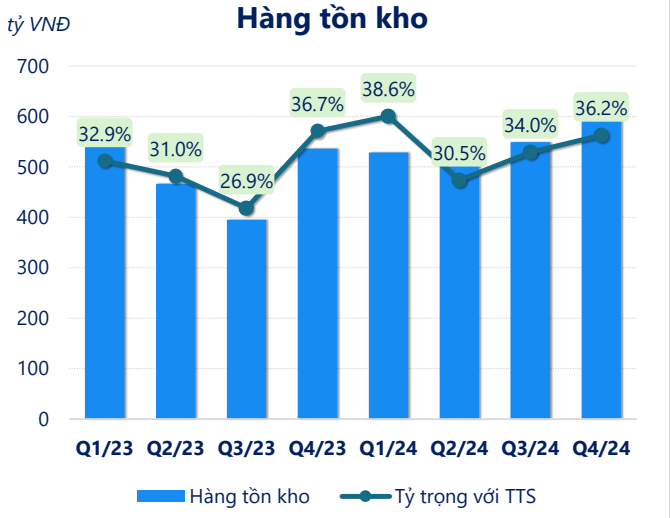
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



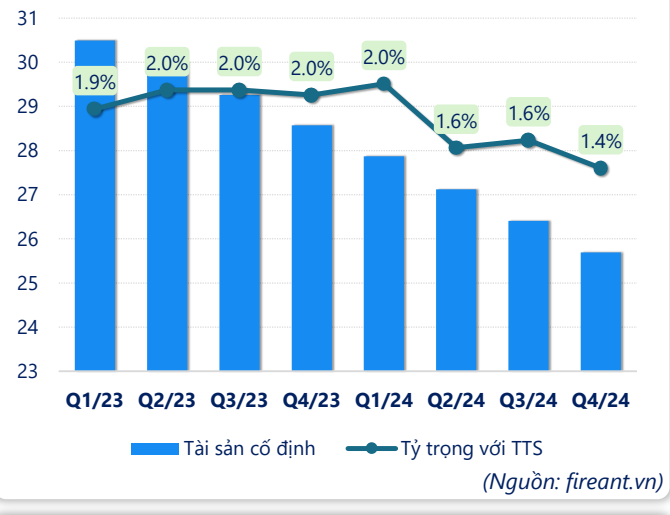
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



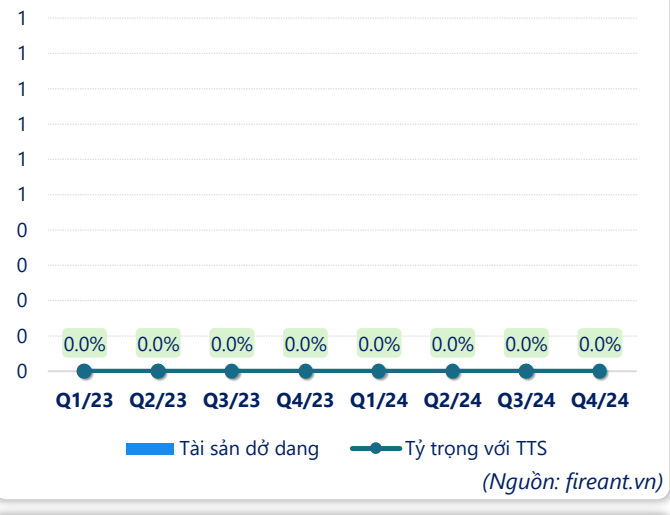
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



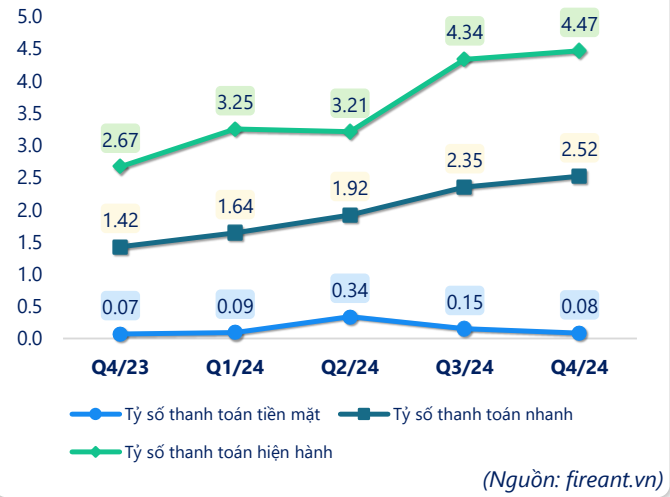
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



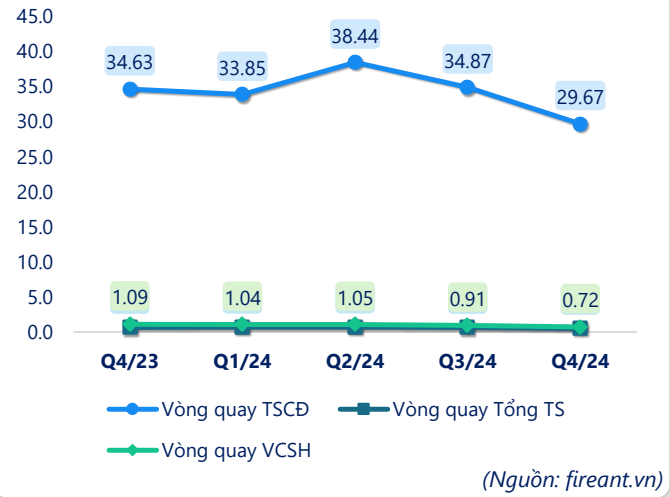
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,460**	**1,369**	**1,713**	**1,614**	**1,786**
Tài sản ngắn hạn	**1,150**	**1,065**	**1,296**	**1,199**	**1,482**
Tiền và tương đương tiền	30.2	30.1	137	41.5	26.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.1	15.3	36.6	73.2	45.7
Phải thu ngắn hạn	521	451	565	497	718
Hàng tồn kho	536	529	522	549	646
Tài sản ngắn hạn khác	36.5	40.3	36.6	38.7	46.1
Tài sản dài hạn	**310**	**304**	**417**	**415**	**304**
Phải thu dài hạn	1.56	1.56	116	116	7.30
Tài sản cố định	28.6	27.9	27.1	26.4	25.7
Bất động sản đầu tư	232	231	230	229	229
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.6	11.2	11.3	11.5	11.6
Tài sản dài hạn khác	3.69	0.80	1.08	1.76	1.93
Lợi thế thương mại	33.1	31.5	31.7	30.0	28.3
Nợ phải trả	**499**	**395**	**540**	**434**	**496**
Nợ ngắn hạn	**431**	**328**	**404**	**277**	**332**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	251	151	213	86.0	102
Phải trả người bán ngắn hạn	25.4	23.5	22.9	22.6	60.5
Nợ dài hạn	67.8	67.8	137	158	164
Vay và nợ thuê dài hạn	34.6	34.6	103	101	102
Nguồn vốn chủ sở hữu	**961**	**974**	**1,173**	**1,179**	**1,290**
Vốn chủ sở hữu	**961**	**974**	**1,173**	**1,179**	**1,290**
Vốn điều lệ	573	573	774	828	828
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)